TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-07-2019.
V/v Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Cường.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng.**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Hương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Hạnh –** Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 07 năm 2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: anh **Lê Khắc B** – sinh năm: 1978 (có mặt).
2. **Bị đơn**: chị **Dương Cẩm T –** sinh năm: 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Khắc B trình bày:

Vào năm 2008 anh B và chị T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, do mai mối, có tổ chức đám cưới, được cha mẹ hai bên thừa nhận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.

Sau ngày cưới vợ chồng sinh sống tại ấp L, xã T, huyện V. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế nên chị Tú nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không hạnh phúc. Anh B và chị T đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay.

Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh B yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với chị Dương Cẩm T.

- Về con chung: vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thị Như H - sinh ngày 12-9-2008 và cháu Lê Dương Hoài A – sinh ngày 31-5-2016, hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn anh B đồng ý giao cháu H và cháu A cho chị T nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: anh B và chị T thống nhất thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ phải thu, phải trả: anh B không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện phản tố ngày 28 tháng 01 năm 2019 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Dương Cẩm T trình bày:

Vào năm 2008 chị T và anh B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, do mai mối, có tổ chức đám cưới, được cha mẹ hai bên thừa nhận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.

Sau ngày cưới vợ chồng sống sinh sống tại ấp L, xã T, huyện V. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có nhiều mâu thuẫn về kinh tế, anh B không quan tâm đến vợ con nên cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt không hạnh phúc, chị T và anh B đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Nay chị T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh B.

- Về con chung: vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thị Như H - sinh ngày 12-9-2008 và cháu Lê Dương Hoài A – sinh ngày 31-5-2016, hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi dưỡng cháu Như H và cháu Hoài A, tại phiên tòa chị T tự nguyện rút lại yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T rút lại yêu cầu phản tố chia tài sản chung của vợ chồng do vợ chồng thống nhất thỏa thuận xong, nay chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ phải thu, phải trả: chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến*** về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 217, Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Lê Khắc B và chị Dương Cẩm T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Như H - sinh ngày 12-9-2008 và cháu Lê Dương Hoài A – sinh ngày 31-5-2016 cho chị Dương Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Khắc B không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị T rút lại yêu cầu khởi kiện phản tố chia tài sản chung của vợ chồng nên đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T.

Anh B và chị T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về các khoản nợ phải thu, phải trả: Anh B và chị T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: anh Lê Khắc B phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí về việc giải quyết hôn nhân gia đình .

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh cháu Như H và Hoài A (bản sao); Biên nhận giao tiền ngày 01/7/2019 (bản photo); Tờ thỏa thuận về việc chia tài sản chung ngày 05/6/2019 (bản chính).

- Bị đơn đã nộp: Đơn xin xác nhận đất ngày 17/02/2019 (bản chính); Giấy xác nhận về việc mua bò (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] **Về hôn nhân**: Mối quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh B và chị T trình bày do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về kinh tế, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dẫn đến ly thân. Tại phiên tòa anh B vẫn giữ yêu cầu ly hôn, chị T đồng ý ly hôn với anh B.

Anh B và chị T thống nhất thuận tình ly hôn, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này là phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] **Về nuôi con chung**: Anh B và chị T thống nhất xác định có hai con chung là cháu Lê Thị Như H - sinh ngày 12-9-2008 và cháu Lê Dương Hoài A – sinh ngày 31-5-2016, khi ly hôn anh B đồng ý giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu H và cháu Hoài A đang sống với chị T, cuộc sống của các cháu đang ổn định, sức khỏe bình thường, khả năng kinh tế và điều kiện sống của chị T đảm bảo thuận tiện cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con, cháu H có ý kiến muốn được sống với chị Tú nếu cha mẹ ly hôn. Do vậy tiếp tục giao cháu Như H và cháu Hoài A cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Dương Cẩm T tự nguyện rút lại yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu anh Lê Khắc B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về tài sản chung của vợ chồng:** Anh Lê Khắc B và chị Dương Cẩm T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, chị T rút lại yêu cầu khởi kiện phản tố chia tài sản chung của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Tú.

[5] **Về các khoản nợ phải thu, phải trả**: Anh Lê Khắc B và chị Dương Cẩm T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** anh Lê Khắc B phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Lê Khắc B và chị Dương Cẩm T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Lê Thị Như H - sinh ngày 12-9-2008 và cháu Lê Dương Hoài A – sinh ngày 31-5-2016 cho chị Dương Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Khắc B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung của vợ chồng :

Anh Lê Khắc B và chị Dương Cẩm T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện phản tố chia tài sản chung của vợ chồng của chị Dương Cẩm T.

4. Về các khoản nợ phải thu, phải trả:

Anh Lê Khắc Bình và chị Dương Cẩm Tú xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Khắc B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) về việc giải quyết hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 009507 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Lê Khắc B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Dương Cẩm T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Dương Cẩm T 887.500đ (tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009560 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường